BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025 - KHÓA 57 HOÀN THÀNH HPTN

(Kèm theo QĐ số 487 /QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 4 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK1 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
1	21D100035	Vũ Thị Kim	Ngân	K57A2	A	10	9.29	4.00	87		Giỏi
2	21D100162	Nguyễn Thu	Hằng	K57A2	A	16	9.23	4.00	100		Xuất sắc
3	21D100247	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	K57A4	A	15	9.17	4.00	84		Giỏi
4	21D100282	Lê Thị Thùy	Trang	K57A4	A	10	9.15	4.00	90		Khá
5	21D100330	Trần Thị Huyền	Trang	K57A5	A	10	8.99	4.00	84		Khá
6	21D100353	Vũ Trần Liên	Hương	K57A6	A	16	8.96	3.91	83		Khá
7	21D100104	Nguyễn Thị Vân	Anh	K57A1	A	10	8.93	3.85	81		Khá
8	21D100390	Vũ Mạnh	Dũng	K57A7	A	10	8.93	3.85	81		Khá
9	21D110217	Trần Đức	Trung	K57B3KS	BKS	10	9.11	4.00	98		Giỏi
10	21D110129	Nguyễn Mai	Phương	K57B1KS	BKS	13	9.10	4.00	87		Khá
11	21D110111	Hoàng Thị	Hằng	K57B1KS	BKS	10	9.05	4.00	99		Khá
12	21D110141	Nguyễn Thanh Kim	An	K57B2KS	BKS	10	9.02	4.00	80		Khá
13	21D250179	Lê Thị Hương	Giang	K57B3LH	BLH	13	9.38	4.00	100		Khá
14	21D120004	Nguyễn Lan	Anh	K57C4	C	10	9.33	4.00	83		Giỏi
15	21D120210	Phan Minh	Chi	K57C4	C	10	9.26	4.00	83		Giỏi
16	21D120168	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	K57C2	C	10	9.22	4.00	95		Xuất sắc
17	21D120029	Lê Trần Phương	Ngân	K57C3	C	10	9.22	4.00	90		Khá
18	21D120179	Lê Quỳnh Hương	Giang	K57C3	C	10	9.13	4.00	84		Khá
19	21D120263	Trần Thị Linh	Nhâm	K57C5	C	10	9.08	4.00	98		Khá
20	21D220206	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	K57T3	T	16	9.14	4.00	90		Giỏi
21	21D220180	Hồ Thị Huyền	Nga	K57T2	T	10	9.12	4.00	83		Khá
22	21D220110	Vũ Minh	Đức	K57T1	T	16	8.99	4.00	81		Khá
23	21D220121	Trần Thị	Liễu	K57T1	T	10	8.98	4.00	87		Khá
24	21D150238	Đào Thị Thu	Hiền	K57D3	D	10	9.27	4.00	86		Giỏi
25	21D150240	Đặng Thị Bích	Hồng	K57D3	D	10	9.13	4.00	83		Giỏi
26	21D150112	Phạm Trà	Giang	K57D1	D	10	9.06	4.00	93		Khá
27	21D150280	Trần Thị	Tú	K57D3	D	16	9.04	4.00	84		Khá
28	21D150184	Đào Thu	Hương	K57D2	D	10	9.01	4.00	83		Khá
29	21D270126	Nguyễn Hoàng Trà	My	K57DC1	DC	10	9.35	4.00	84		Khá
30	21D290144	Hồ Trọng	Tiến	K57DK1	DK	13	9.38	4.00	96		Giỏi
31	21D290185	Phạm Thị	Phương	K57DK2	DK	10	9.35	4.00	87		Khá
32	21D290197	Quách Thị Thùy	Trang	K57DK2	DK	10	9.28	4.00	90		Khá
33	21D290195	Đỗ Huyền	Trang	K57DK2	DK	13	9.24	3.88	90		Khá
34	21D290135	Nguyễn Thị	Phương	K57DK1	DK	13	9.22	4.00	87		Khá
35	21D290103	Nguyễn Xuân	Anh	K57DK1	DK	10	9.20	4.00	87		Khá
36	21D290127	Nguyễn Quỳnh	Mai	K57DK1	DK	13	9.11	4.00	86		Khá
37	21D290187	Phạm Như	Quỳnh	K57DK2	DK	13	8.95	4.00	82		Khá
38	21D290191	Vũ Thị Thanh	Thủy	K57DK2	DK	13	8.92	3.77	90		Khá
39	21D130155	Nguyễn Thị	Dung	K57E2	E	10	9.58	4.00	86		Giỏi
40	21D130112	Đỗ Thị	Duyên	K57E1	E	10	9.42	4.00	97		Xuất sắc
41	21D130269	Lê Thị Thu	Phương	K57E4	E	10	9.29	4.00	82		Giỏi
42	21D130016	Đào Phương	Anh	K57E3	E	10	9.28	4.00	80		Khá
43	21D130167	Lê Thị	Liên	K57E2	E	10	9.26	4.00	85		Khá

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK1 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
44	21D130236	Nguyễn Bảo	An	K57E4	E	10	9.15	4.00	96		Khá
45	21D130247	Đỗ Thị Thùy	Dương	K57E4	E	10	9.14	4.00	84		Khá
46	21D130131	Nguyễn Thanh	Nga	K57E1	E	10	9.13	4.00	89		Khá
47	21D260111	Nguyễn Quỳnh	Diễm	K57EK1	EK	10	9.70	4.00	85		Giỏi
48	21D260171	Lý Thị	Chinh	K57EK2	EK	10	9.70	4.00	84		Khá
49	21D260186	Mai Thu	Huyền	K57EK2	EK	10	9.42	4.00	98		Khá
50	21D260107	Trần Thị Kiều	Anh	K57EK1	EK	10	9.41	4.00	85		Khá
51	21D260151	Thạch Nguyễn Ngọc	Thảo	K57EK1	EK	10	9.27	4.00	83		Khá
52	21D300113	Hoàng Ngọc	Linh	K57LQ1	LQ	10	9.35	4.00	88		Giỏi
53	20D300136	Bùi Kim	Thoại	K57LQ2	LQ	10	9.20	4.00	84		Khá
54	21D300109	Bùi Huy	Hoàng	K57LQ1	LQ	13	9.01	4.00	84		Khá
55	21D160169	Lê Thị Thu	Hằng	K57F2	F	10	9.00	4.00	97		Xuất sắc
56	21D160348	Nguyễn Thị	Quỳnh	K57F5	F	10	8.99	4.00	86		Giỏi
57	21D160353	Lương Thị Minh	Thu	K57F5	F	10	8.99	4.00	84		Giỏi
58	21D160102	Lê Công	Anh	K57F1	F	10	8.97	4.00	98		Khá
59	21D160152	Nguyễn Thị	Yên	K57F1	F	10	8.97	4.00	87		Khá
60	21D160003	Nguyễn Thị Ngọc	Giang	K57F2	F	10	8.94	4.00	84		Khá
61	21D160240	Lương Thị Trang	Nhung	K57F3	F	10	8.94	4.00	90		Khá
62	21D180301	Nguyễn Thị Như	Thúy	K57H4	H	16	9.08	4.00	77		Khá
63	21D180295	Vũ Hoài	Phương	K57H4	H	16	9.06	4.00	75		Khá
64	21D180310	Lê Thị Thanh	Xuân	K57H4	H	16	9.02	4.00	80		Giỏi
65	21D180256	Bùi Phương	Uyên	K57H3	H	16	9.01	4.00	81		Khá
66	21D180109	Phạm Thị	Diệu	K57H1	H	10	8.97	4.00	75		Khá
67	21D280181	Lê Diệu	Hoa	K57HC2	HC	10	9.14	4.00	80		Khá
68	21D140110	Vũ Thu	Hà	K57I1	I	10	9.50	4.00	81		Giỏi
69	21D140112	Nguyễn Đức	Huy	K57I1	I	10	9.42	4.00	87		Giỏi
70	21D140138	Nguyễn Đặng Hoài	Thương	K57I1	I	10	9.41	4.00	90		Xuất sắc
71	21D140283	Phạm Phương	Châu	K57I5	I	10	9.40	4.00	87		Giỏi
72	21D140314	Trần Thị	Thơm	K57I5	I	16	9.37	4.00	87		Khá
73	21D140318	Phạm Thu	Trang	K57I5	I	10	9.37	4.00	95		Khá
74	21D140246	Đặng Thị Thu	Hoài	K57I4	I	10	9.35	4.00	83		Khá
75	21D140258	Nguyễn Thảo	Ngọc	K57I4	I	10	9.35	4.00	89		Khá
76	21D140259	Đỗ Đức	Nhẫn	K57I4	I	10	9.35	4.00	81		Khá
77	21D140261	Nguyễn Trang	Nhung	K57I4	I	10	9.35	4.00	93		Khá
78	21D140139	Lê Thị Huyền	Trang	K57I1	I	10	9.30	4.00	98		Khá
79	21D190177	Nguyễn Hương	Ly	K57S2	S	16	9.18	4.00	78		Khá
80	21D190103	Nguyễn Việt	Anh	K57S1	S	10	9.13	4.00	86		Giỏi
81	21D190237	Đào Phương	Nguyên	K57S3	S	10	9.08	4.00	86		Khá
82	21D170154	Lê Thị Thùy	Dung	K57N2	N	13	8.98	4.00	81		Khá
83	21D200119	Hoàng Ngọc	Hạnh	K57P1	P	13	9.42	4.00	90		Giỏi
84	21D200115	Nguyễn Quỳnh	Giang	K57P1	P	10	9.35	4.00	91		Khá
85	21D200004	Trần Hải	Hà	K57P3	P	12	9.24	4.00	85		Khá
86	21D200233	Phạm Thị Ngọc	Lan	K57P3	P	10	9.23	4.00	90		Khá
87	21D105130	Nguyễn Duy Bình	Ninh	K57Q1	Q	10	9.42	4.00	83		Khá
88	21D107132	Lê Quỳnh	Trang	K57QT1	QT	10	9.24	4.00	81		Giỏi
89	21D107167	Lê Thị Huyền	Trang	K57QT2	QT	10	9.08	4.00	87		Khá
90	21D107140	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	K57QT2	QT	10	9.01	4.00	94		Khá
91	21D107149	Nguyễn Ngọc	Huyền	K57QT2	QT	10	8.98	4.00	83		Khá
92	21D210362	Nguyễn Thị	Tươi	K57U5	U	10	9.27	4.00	87		Giỏi
93	21D210350	Nguyễn Thị	Quyên	K57U5	U	10	9.23	4.00	94		Xuất sắc
94	21D210361	Viên Thị	Trang	K57U5	U	10	9.21	3.85	84		Giỏi

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK1 NH 24-25 thang 10	ĐTB HK1 NH 24-25 thang 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
95	21D210174	Đỗ Thị Mỹ	Lê	K57U2	U	10	9.20	4.00	93		Giỏi
96	21D210355	Nguyễn Thị	Thái	K57U5	U	10	9.20	4.00	87		Khá
97	21D210278	Dương Thị Thu	Hương	K57U4	U	13	9.11	4.00	87		Khá
98	21D210138	Nguyễn Thị Mai	Phương	K57U1	U	10	9.06	4.00	86		Khá
99	21D210015	Đỗ Tuyên	Long	K57U2	U	10	8.94	4.00	91		Khá
100	21D210286	Hoàng Thị Khánh	Mai	K57U4	U	13	8.94	3.77	84		Khá
101	21D210122	Đỗ Thị	Liễu	K57U1	U	15	8.92	3.73	84		Khá

(Danh sách gồm 101 sinh viên)